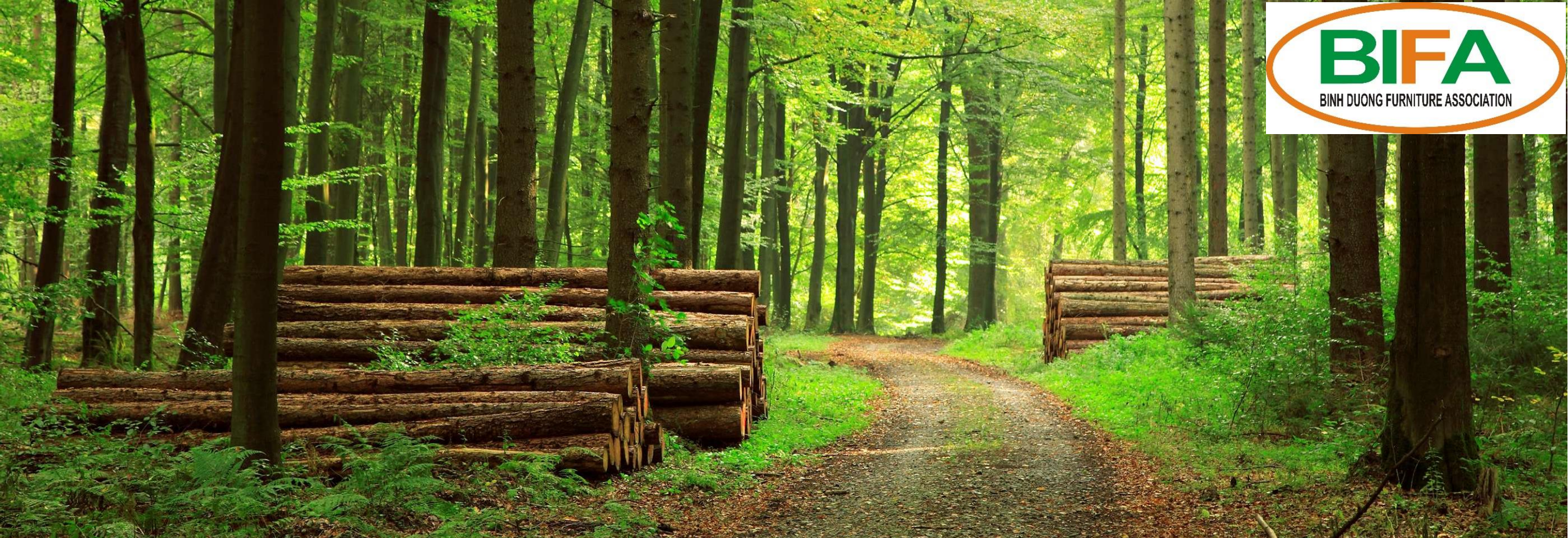




CẬP NHẬT TIÊU CHUẨN FSC CHAIN OF CUSTODY (CoC) STD-40-004-V3-1 VÀ CÁC VẤN ĐỀ LIÊN QUAN CHUỖI CUNG ỨNG

Người chia sẻ: Huỳnh Thanh Trung

Bình Dương, 15-06-2022

Thông tin cá nhân

- Trưởng Ban Phát triển nhân lực và Chuyển đổi số Hiệp hội Gỗ Bình Dương – BIFA Nhiệm kỳ V 2021-2024.
- Đồng sáng lập và CEO Công Ty Cổ Phần LEANWARES, Đồng sáng lập CT CP DATASEAN.
- Chuyên gia đánh giá nhà máy cho TUV Rheinland, Amazon, Double Helix...
- Giảng viên và Chuyên gia Sản xuất tinh gọn – Lean manufacturing cho Dự án SCORE – ILO, VCCI, OXFARM.
- Chuyên gia về kiểm toán khí nhà kính GHG và kiểm toán năng lượng trong chương trình Biến đổi khí hậu GIZ.



Huỳnh Thanh Trung

NỘI DUNG CHÍNH

- Phần 1: Tình hình Biến đổi khí hậu và hoạt động bảo vệ rừng
- Phần 2: Cập nhật tiêu chuẩn FSC-STD-04-004-V3-1
- Phần 3: Những yêu cầu của Chuỗi cung ứng
- Phần 4: Chia sẻ về Dự án xây dựng Thương hiệu tập thể BIFA
- Phần 5: Hỏi & Đáp – Q&A

■ Phần 1: Tình hình Biến đổi khí hậu và hoạt động bảo vệ rừng

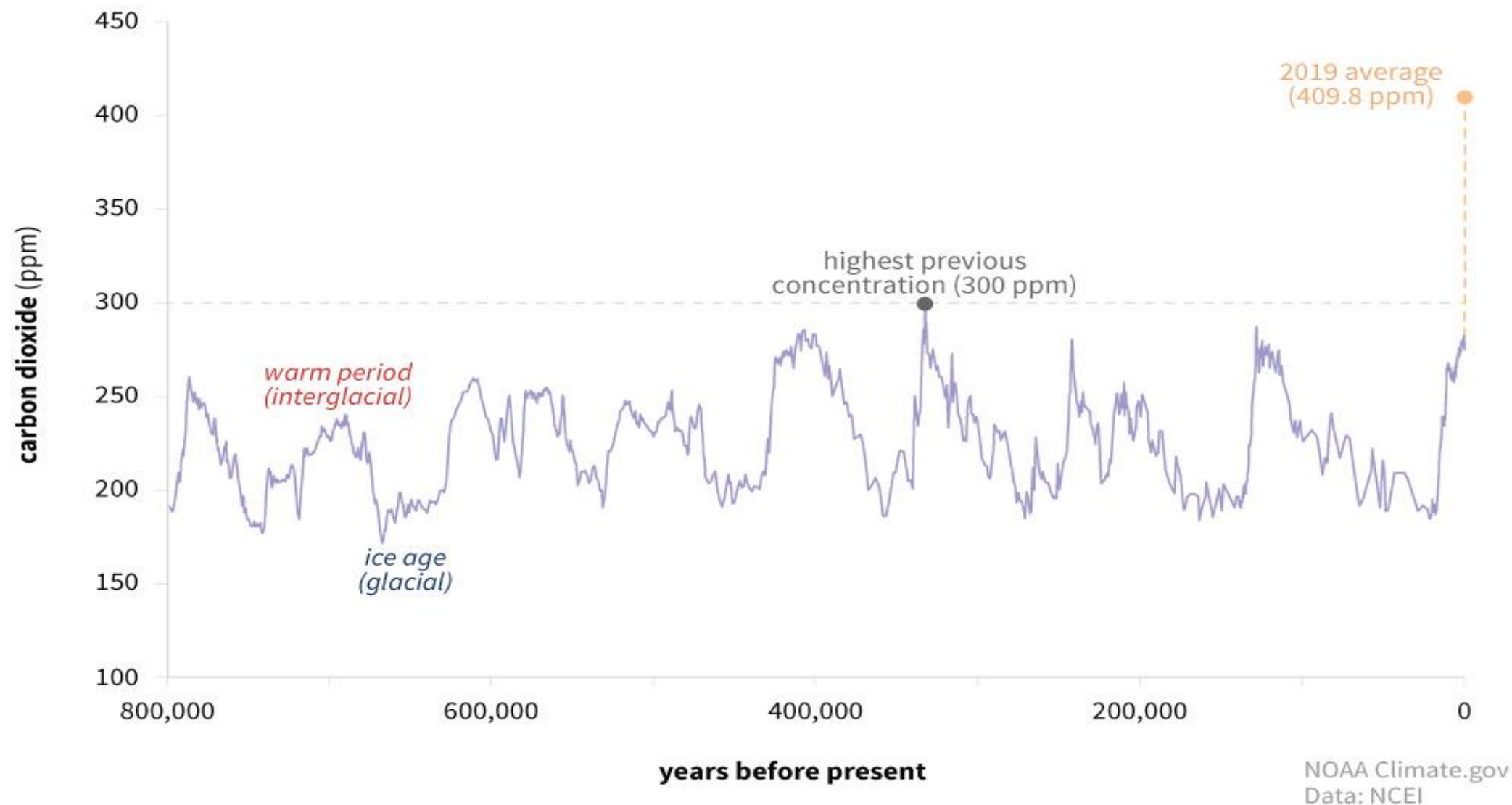
BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU – CLIMATE CHANGE



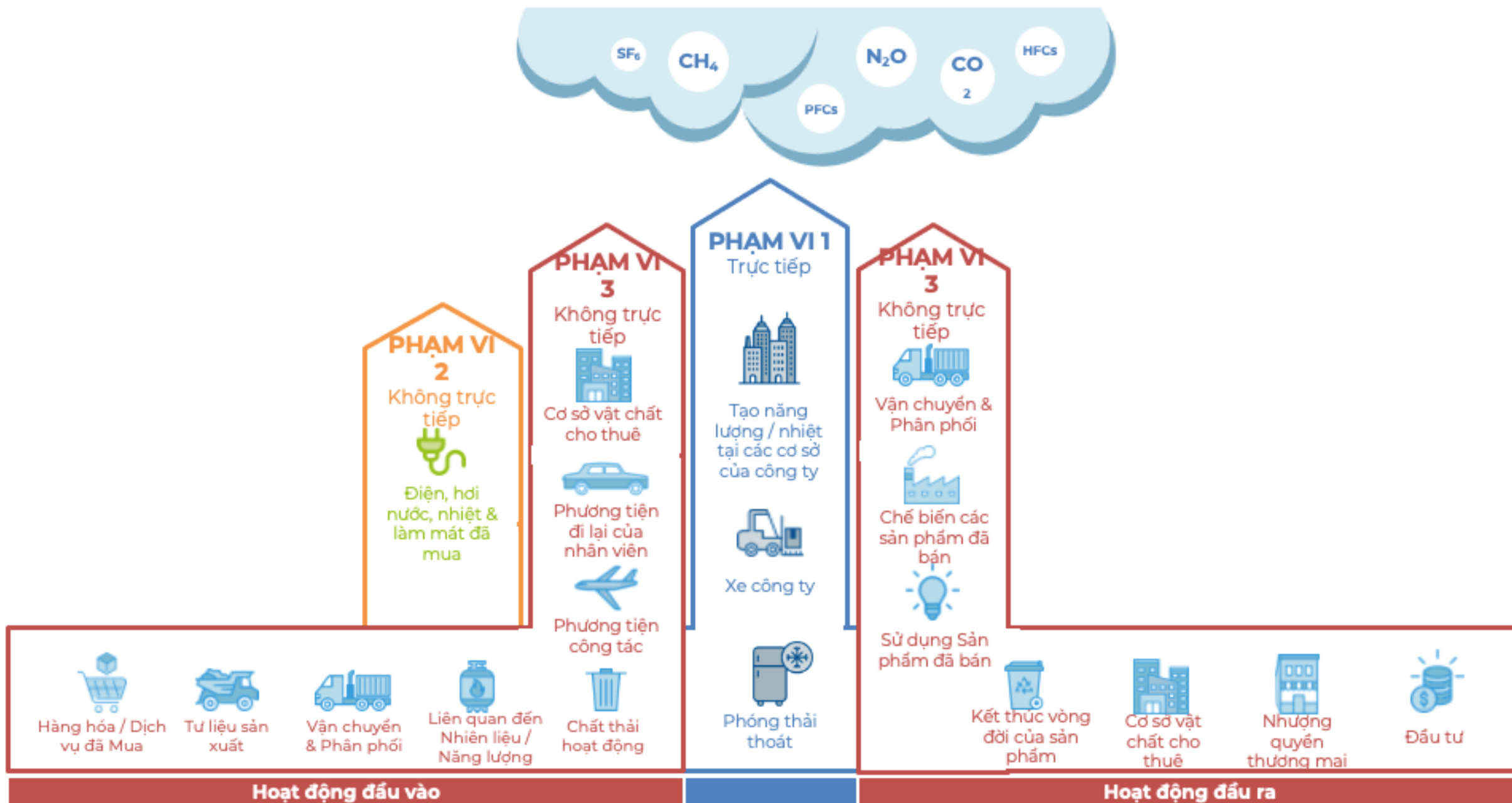
Biến đổi khí hậu

Biến đổi khí hậu là gì và nó ảnh hưởng như thế nào đến con người và hành tinh?

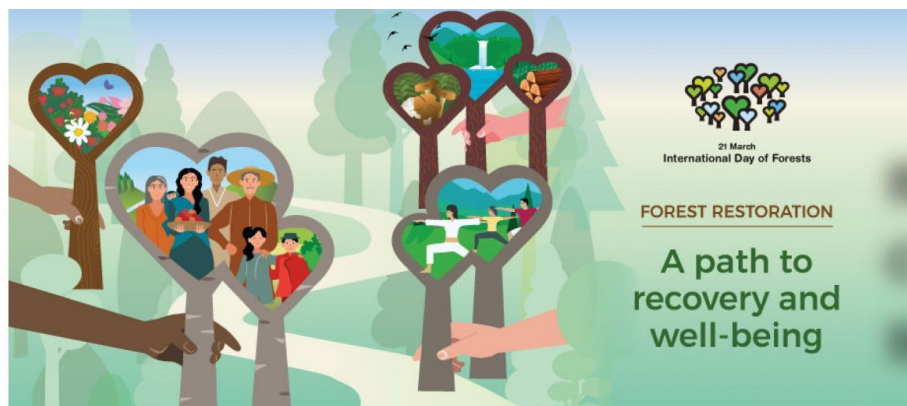
CARBON DIOXIDE OVER 800,000 YEARS



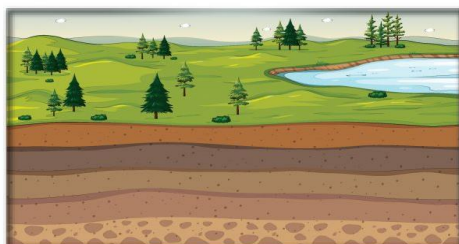
Phạm vi phát thải khí nhà kính



CÁC LỢI ÍCH CỦA RỪNG LÀ GÌ?



Nuôi dưỡng đất



Lưu trữ các-bon



Cung cấp thực phẩm
lành mạnh
cho hàng triệu
người



5 VAI TRÒ CỦA RỪNG



Điều tiết nước

Là nhà của khoảng 80%
các giống loài sống trên cạn



Nguồn: Tổ chức Nông Lương Liên hợp quốc (FAO)
INFOGRAPHICS: TỔNG CỤC THỐNG KÊ

Hiện trạng tàn phá rừng tại Việt Nam



GLOBAL DEFORESTATION FACTS



31% of the earth's surface is covered by forests.

20 million acres of forest were lost between 1990 and 2020.

2,400 trees are cut down each minute.

Hiện trạng tàn phá rừng trên thế giới



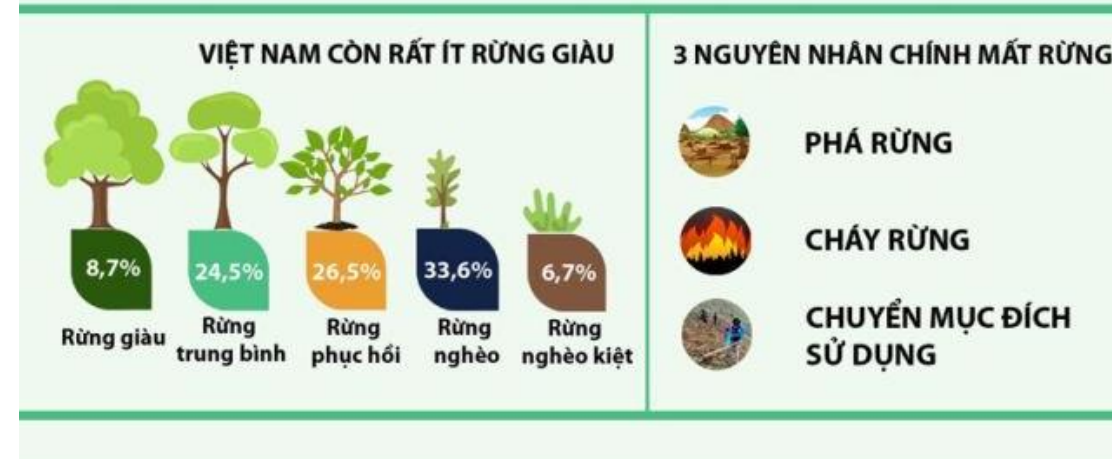
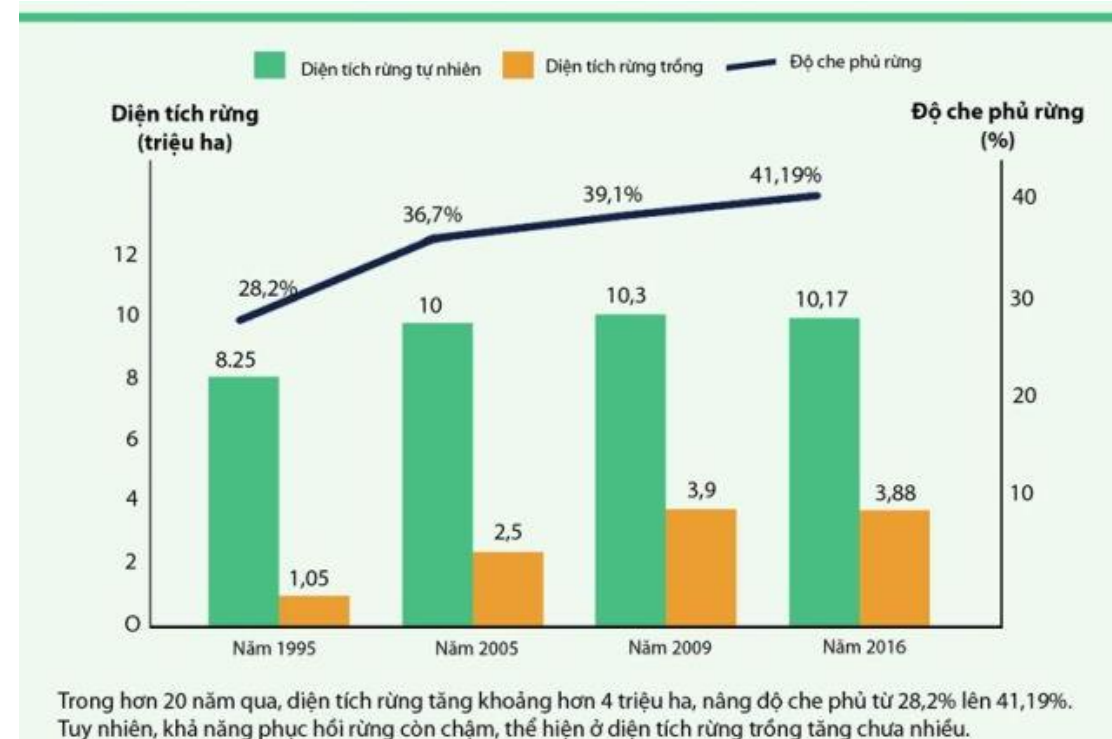
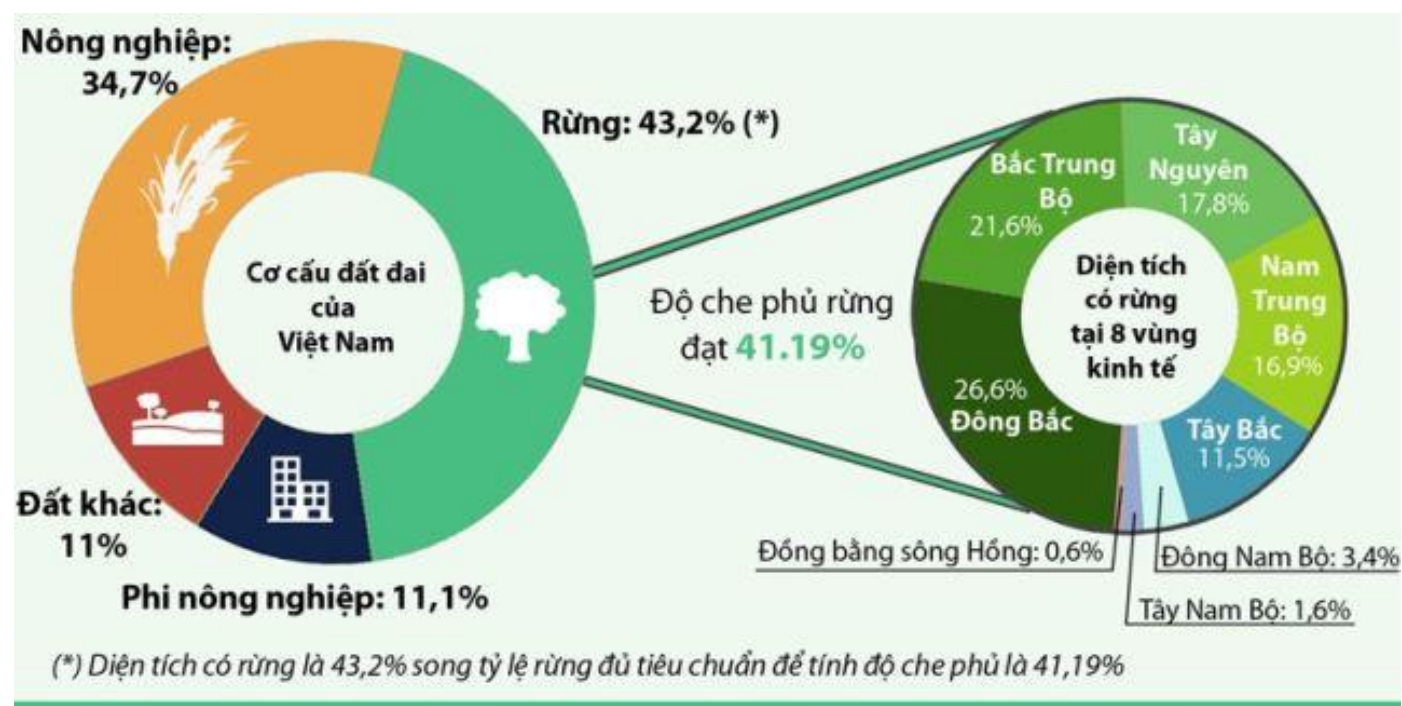
Nguồn: <https://www.tonerbuzz.com/blog/deforestation-facts-and-statistics/>

Theo Tổ chức Giám sát Rừng Toàn cầu (Global Forest Watch – GFW), từ năm 2001 đến năm 2018, Việt Nam đã mất đi hơn 2.6 triệu héc-ta rừng, giảm 16% diện tích rừng so với năm 2000.

Nguồn: https://vietnam.panda.org/our_work_vn/forests_vn/

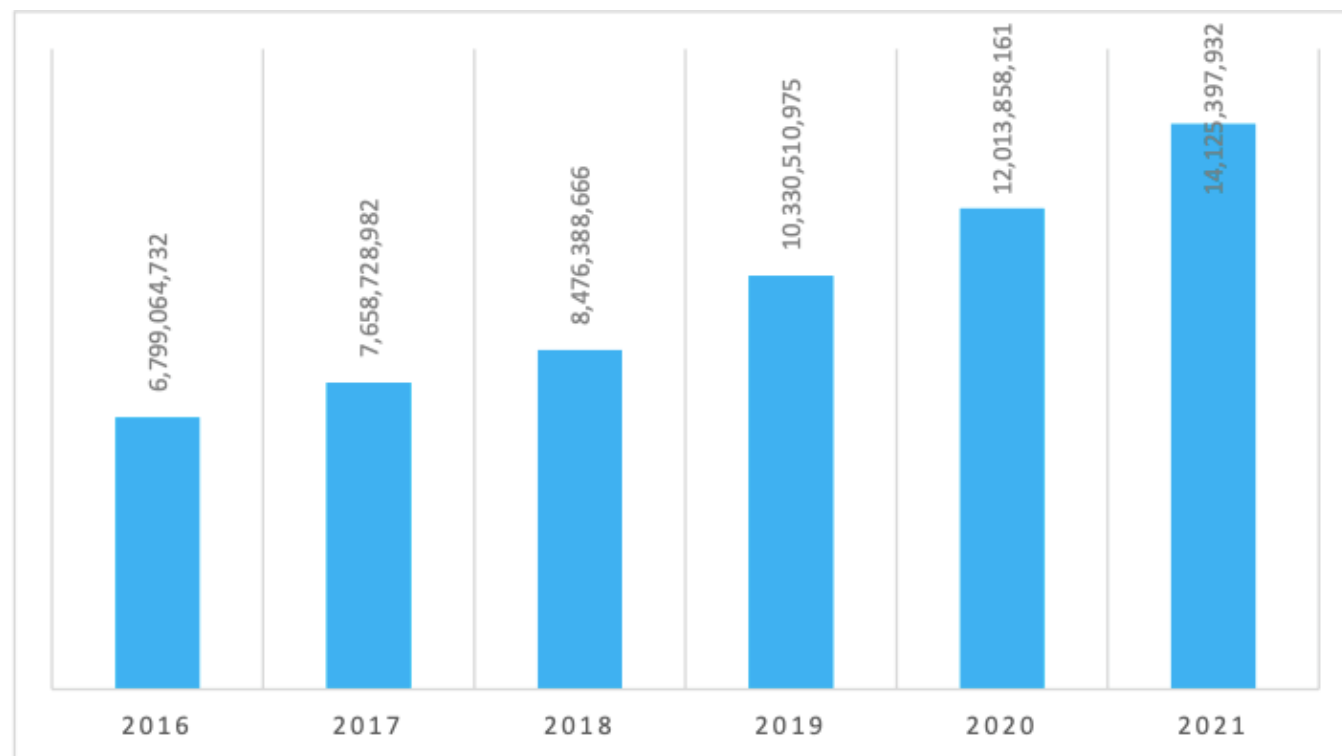
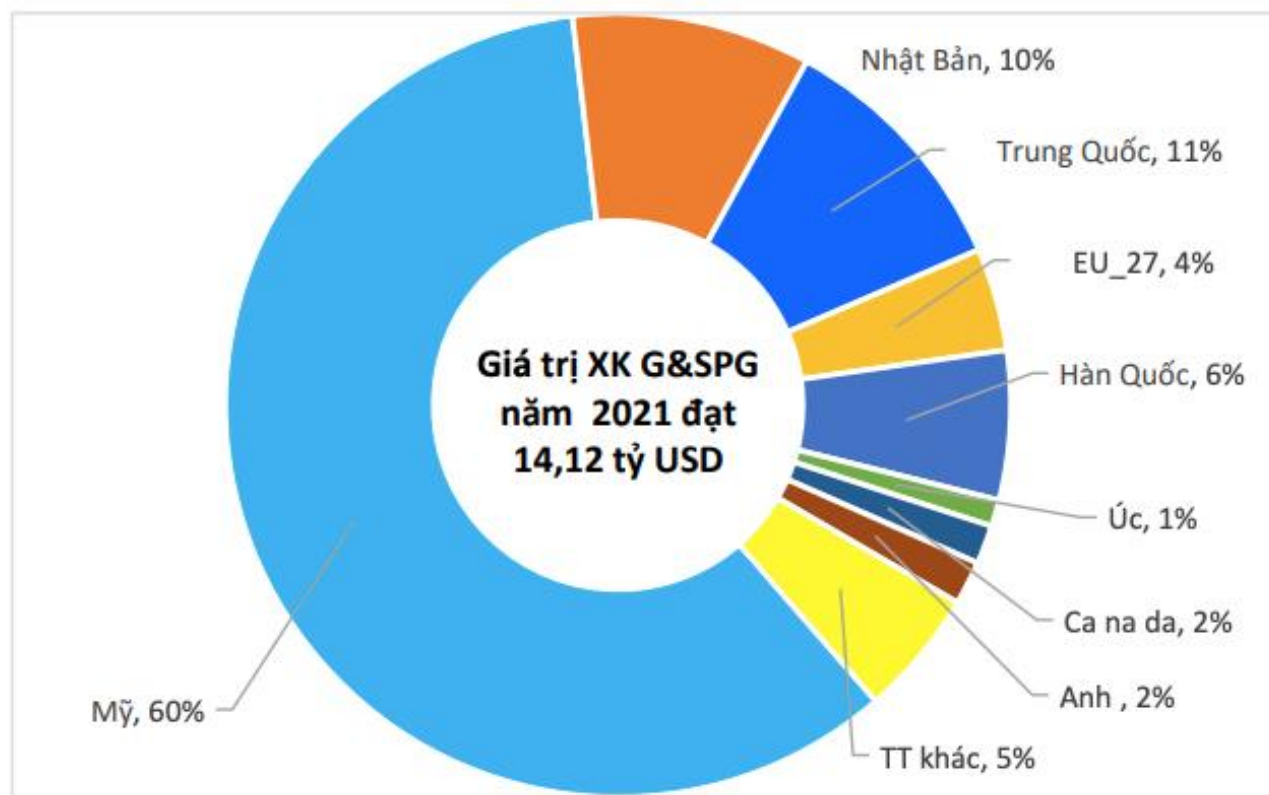


TÌNH HÌNH QUẢN LÝ RỪNG TẠI VIỆT NAM



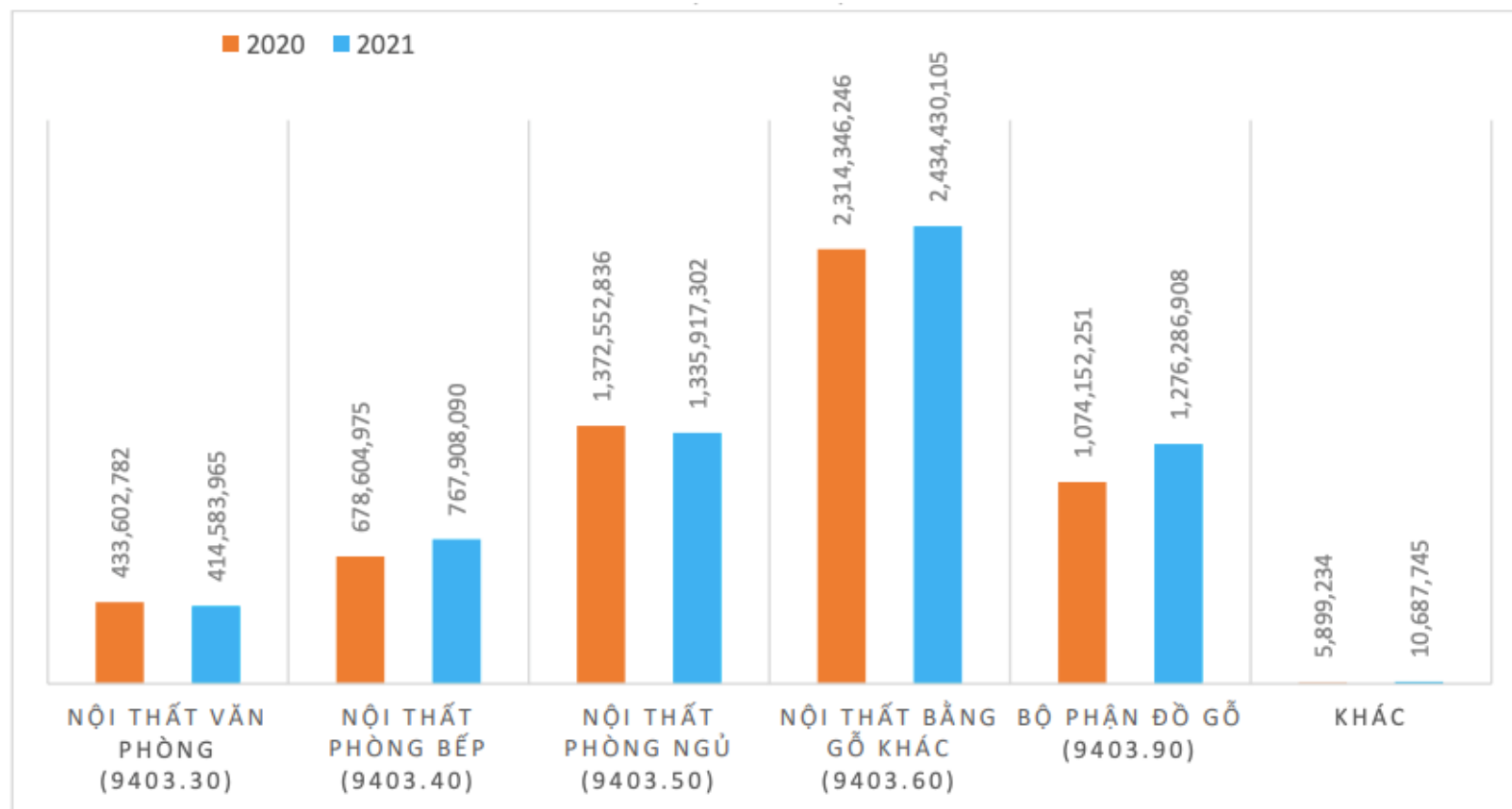
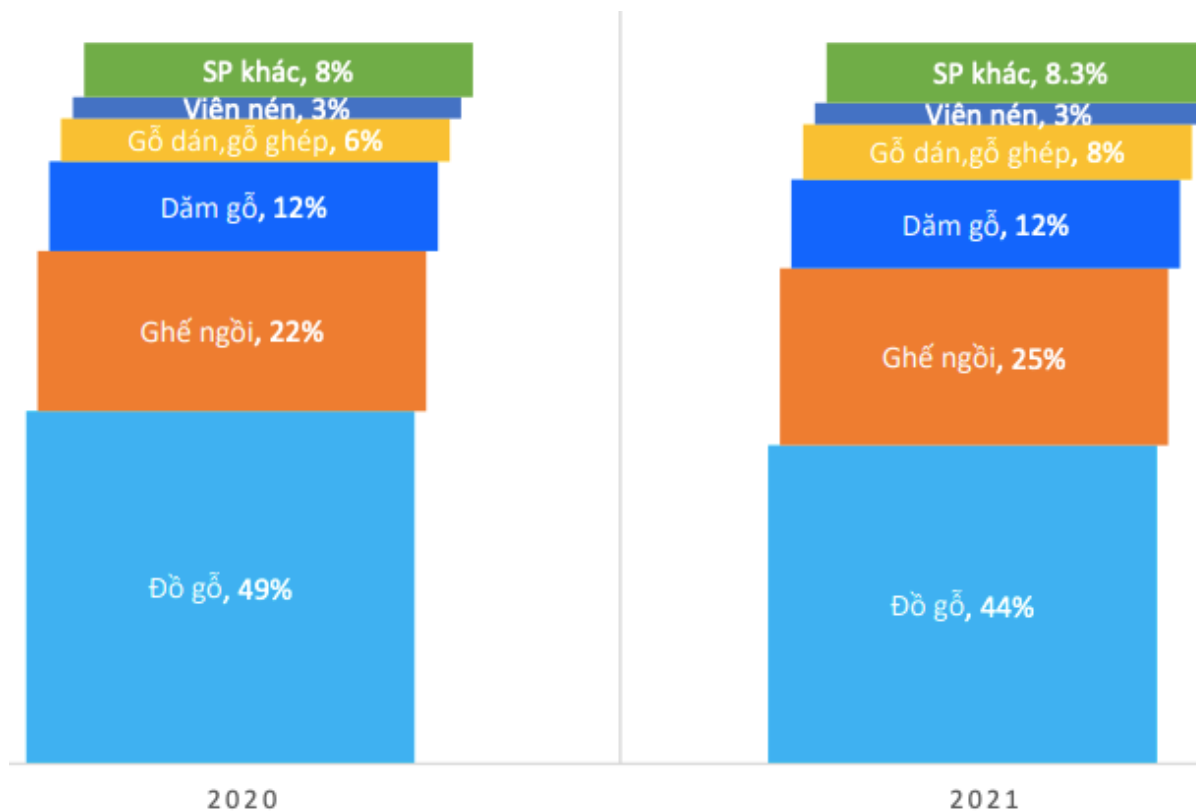
Nguồn: <https://moitruong.com.vn/tai-nguyen-thien-nhien/moi-truong-tu-nhien/hien-trang-rung-viet-nam-17980.html>

Tổng quan ngành gỗ:



Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA và Forest Trends tổng hợp từ nguồn số liệu thống kê xuất nhập khẩu của Tổng cục Hải quan

Tổng quan ngành gỗ:



■ Phần 2: Cập nhật tiêu chuẩn FSC-STD-04-004-V3-1

CÁC HỆ THỐNG & TIÊU CHUẨN LIÊN QUAN NGÀNH GỖ



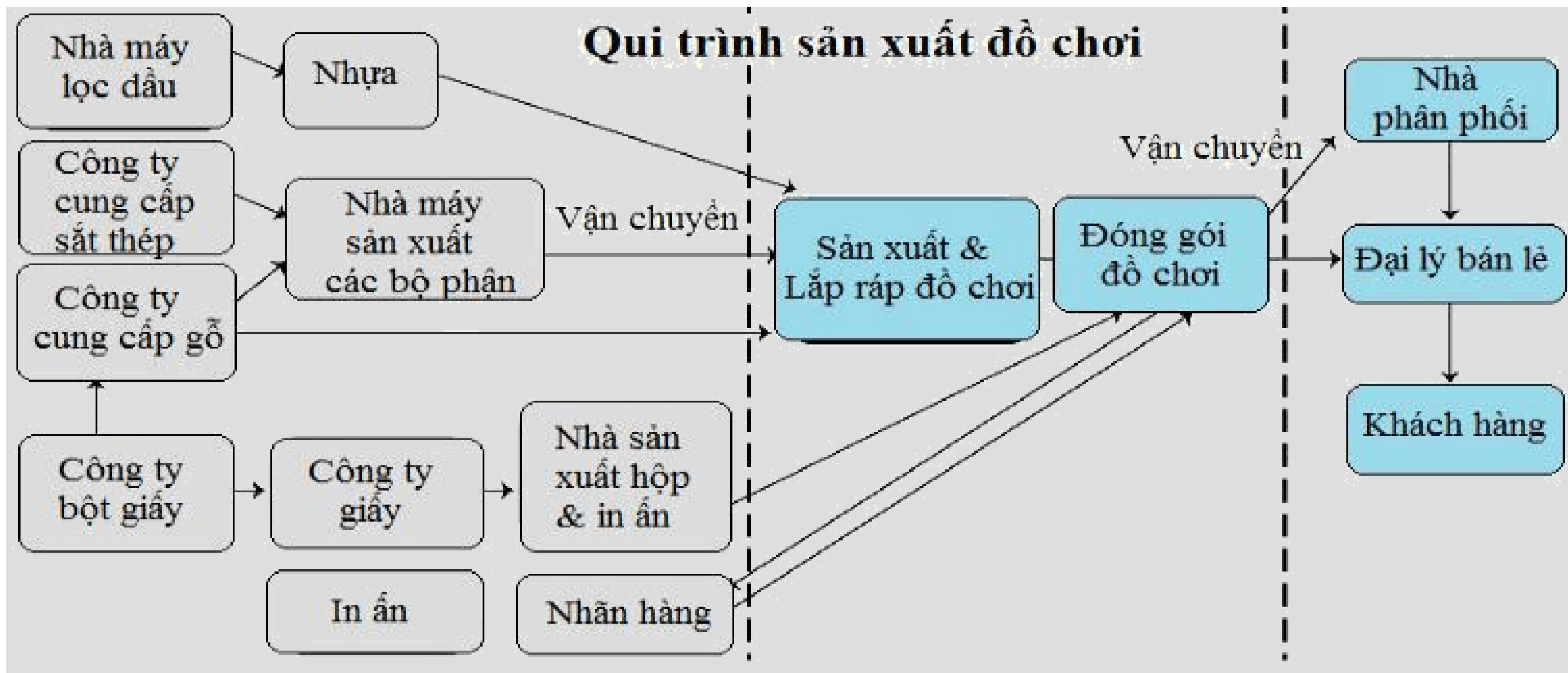
CÁC HỆ THỐNG & TIÊU CHUẨN LIÊN QUAN NGÀNH GỖ

Chuỗi cung ứng ngành gỗ: từ rừng đến người dùng



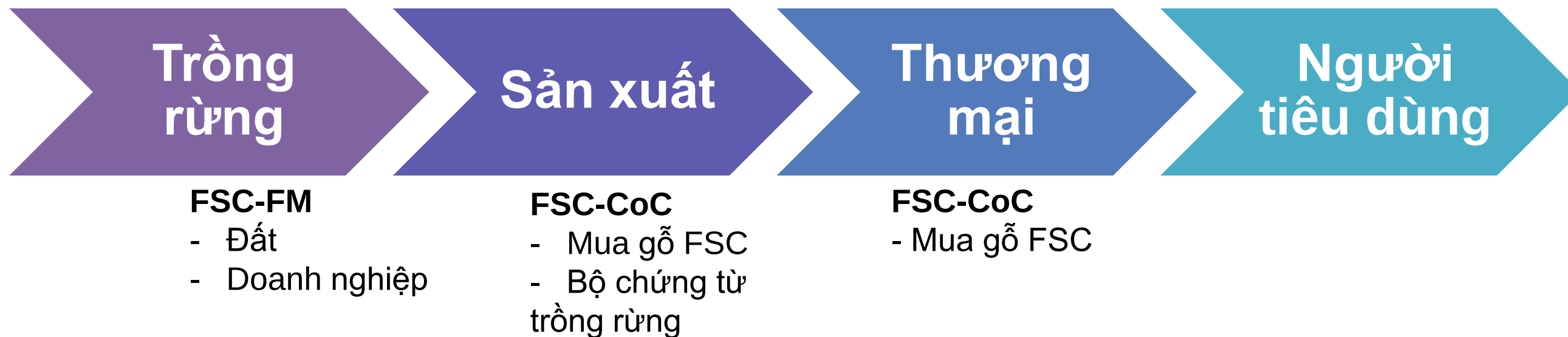
CÁC HỆ THỐNG CoC: TỔNG QUAN

Chuỗi cung ứng ngành gỗ: ví dụ đồ chơi gỗ



CÁC HỆ THỐNG CoC: TỔNG QUAN

Chuỗi cung ứng:



CÁC HỆ THỐNG CoC: TỔNG QUAN

FSC - FM: Forest Management – Quản lý rừng → Đối tượng: chủ rừng hoặc lâm trường

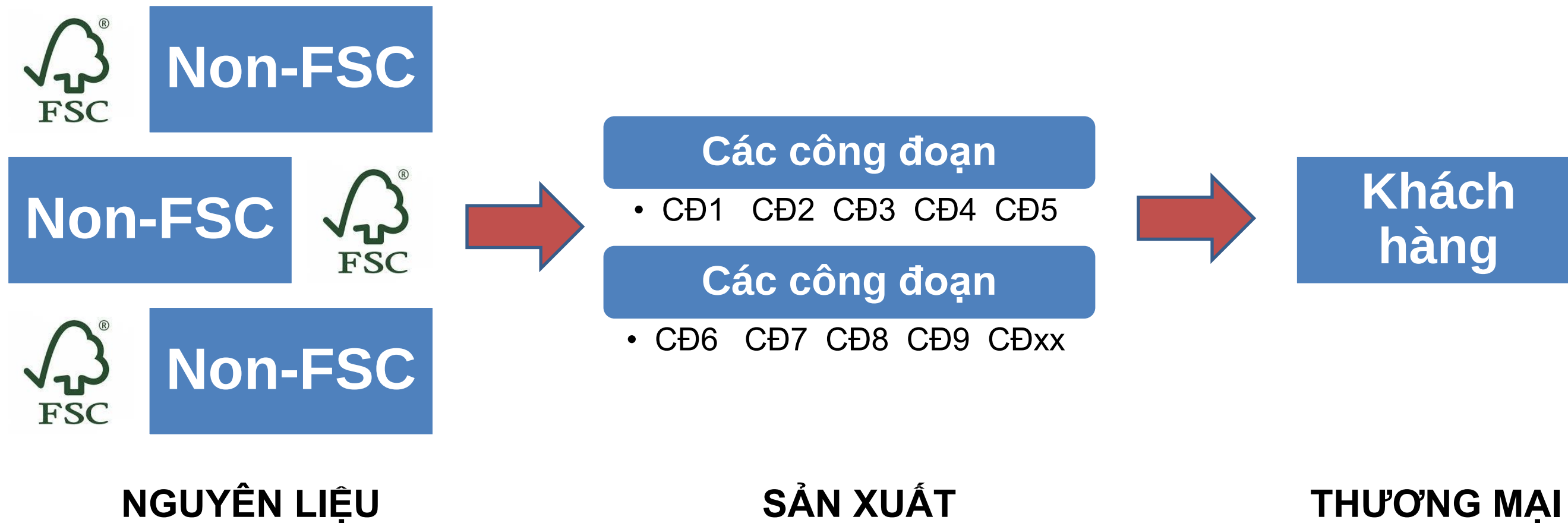
FSC - CoC: Chain of Custody – Chuỗi hành trình sản phẩm → Đối tượng: cửa, xẻ, chế biến, thương mại

FSC - Mix: Mixture – Phối trộn → Đối tượng: cửa, xẻ, chế biến, thương mại

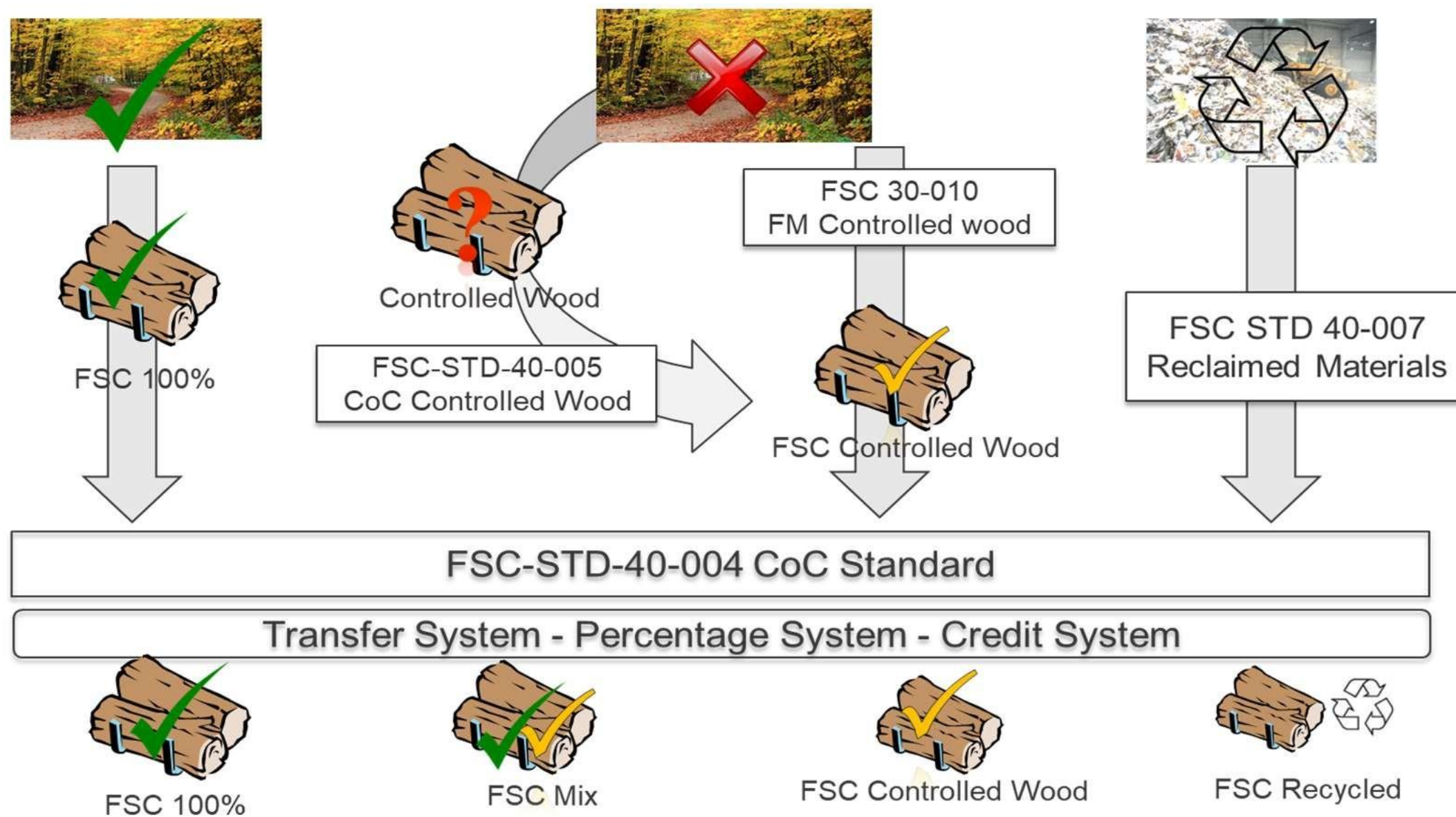
FSC - Recycled: Tái chế → Đối tượng: cửa, xẻ, chế biến, thương mại

FSC - CW: Controlled Wood – Gỗ kiểm soát → Đối tượng: cửa, xẻ, chế biến, thương mại

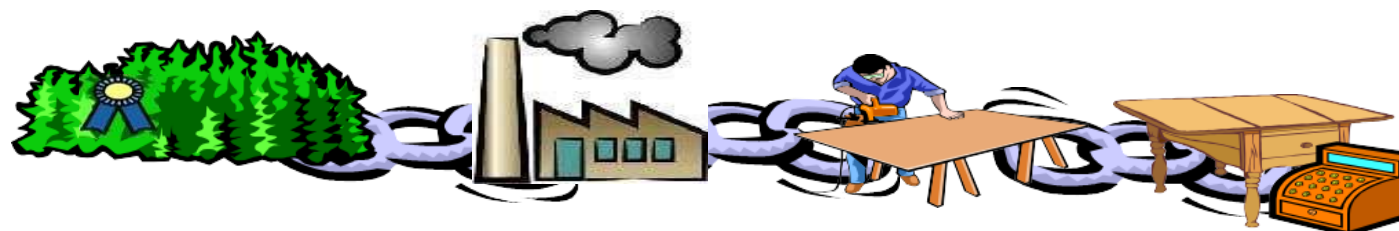
CÁC HỆ THỐNG CoC: TỔNG QUAN



CÁC HỆ THỐNG CoC: TỔNG QUAN



FSC-STD-40-004 V3-1



Chuỗi hành trình có 3 phần quan trọng:

- 1. Quá trình đi vào trong chuỗi tại bất cứ mắc xích nào*
- 2. Xử lý như thế nào*
- 3. Kết quả sau khi rời khỏi chuỗi.*

Nếu duy trì được độ tin cậy cả trên ba phần này thì độ tin cậy của toàn bộ chuỗi sẽ được duy trì.

KHÁI QUÁT VỀ TIÊU CHUẨN (TT)

Cập nhật những thay đổi chính của tiêu chuẩn FSC-STD-40-004 V3-1

1. Cấu trúc tiêu chuẩn

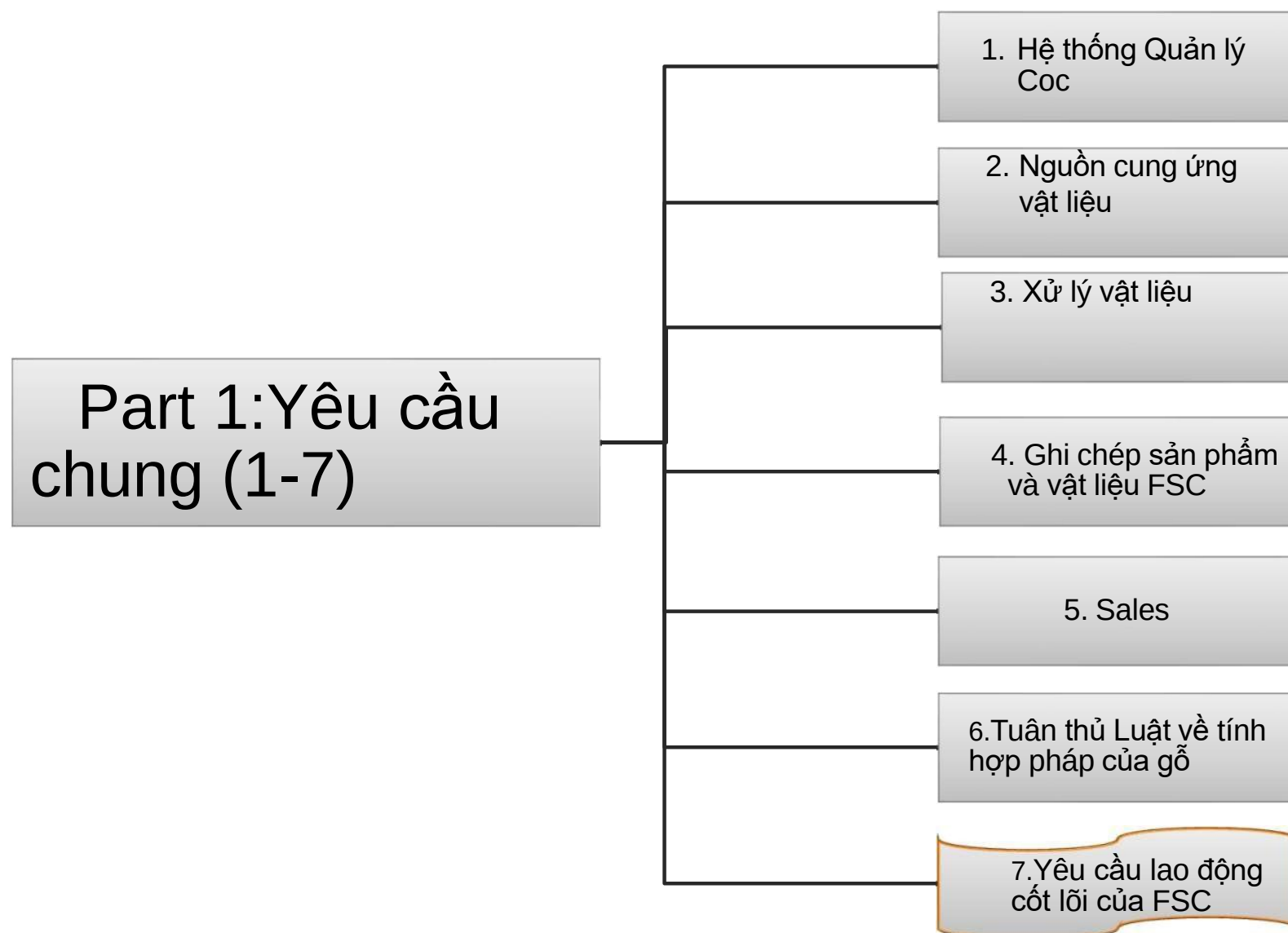
Bản V3-0

A	Objective	
B	Scope	
C	Effective and validity dates	
D	References	
PART I: Universal Requirements		
1	CoC management system	
2	Material sourcing	
3	Material handling	
4	FSC material and products records	
5	Sales	
6	Compliance with timber legality legislation	
PART II: Control of FSC Claims		
7	Establishment of product groups for the control of FSC claims	
8	Transfer system	
9	Percentage system	
10	Credit system	
PART III: Supplementary Requirements		
11	FSC labelling requirements	
12	Outsourcing	
PART IV: Eligibility Criteria for Single, Multisite, and Group CoC Certification		
13	Eligibility for single CoC certification	
14	Eligibility for multi-site CoC certification	
15	Eligibility for group CoC certification	
Annex A. Examples of product groups		
Annex B. Examples of the application of the FSC control systems		
Annex C. Terms and definitions		

Bản V3-1

Contents		
A	Objective	5
B	Scope	5
C	Effective and validity dates	6
D	References	6
PART I: Universal Requirements		8
1	CoC management system	8
2	Material sourcing	10
3	Material handling	11
4	FSC material and products records	11
5	Sales	12
6	Compliance with timber legality legislations	14
7	FSC core labour requirements	15
PART II: Control of FSC Claims		17
8	Establishment of product groups for the control of FSC claims	17
9	Transfer system	18
10	Percentage system	19
11	Credit system	21
PART III: Supplementary Requirements		23
12	FSC labelling requirements	23
13	Outsourcing	23
PART IV: Eligibility Criteria for Single, Multi-site, and Group CoC Certification		27
14	Eligibility for single CoC certification	25
15	Eligibility for multi-site CoC certification	25
16	Eligibility for group CoC certification	26
Annex A. Examples of product groups (informative)		28
Annex B. Examples of the application of the FSC control systems (informative)		29
Annex C. Examples of Which components of a product need to be certified (normative)		31
Annex D. FSC core labour requirements self-assessment (normative)		34
Annex E. Terms and definitions		43

CẤU TRÚC TIÊU CHUẨN FSC-STD-40-004 V3-1



*Yêu cầu **mới** trong phiên bản hiện hành FSC-STD 40-004 V3-1*

CẤU TRÚC TIÊU CHUẨN FSC-STD-40-004 V 3-1(TT)



CẤU TRÚC TIÊU CHUẨN FSC-STD-40-004 V3-1



PART I: UNIVERSAL REQUIREMENTS

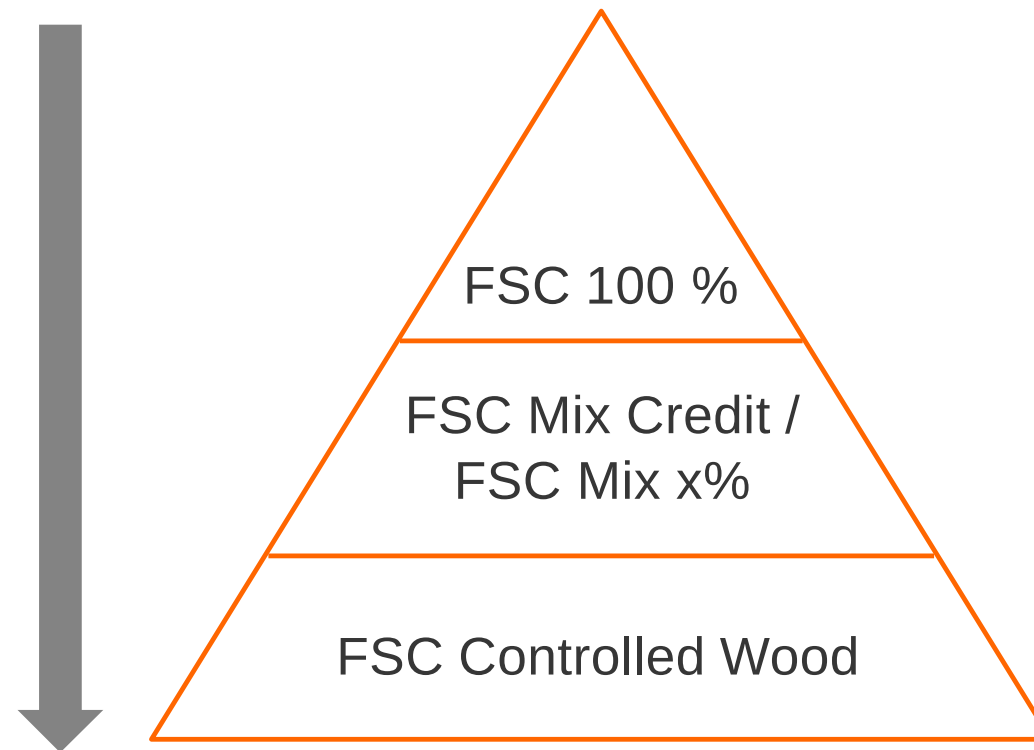
NHỮNG YÊU CẦU QUAN TRỌNG

- Cách xác định sản phẩm FSC đầu ra theo hệ thống quản lý FSC

NHÓM SẢN PHẨM	HỆ THỐNG QUẢN LÝ FSC		
	Transfer System	Percentage System	Credit System
FSC 100%	☐	N/A	N/A
FSC Mix x%	☐	☐	N/A
FSC Recycled x%	☐	☐	N/A
FSC Mix Credit	☐	N/A	☐
FSC Recycled Credit	☐	N/A	☐
FSC Controlled Wood	☐	☐ (see Clause 9.9)	☐

PART I: UNIVERSAL REQUIREMENTS NHỮNG YÊU CẦU QUAN TRỌNG

- Cách ghi nhận sản phẩm FSC đầu ra





Các yêu cầu lao động cốt lõi FSC

LAO ĐỘNG TRẺ EM

- 7.2.1. Không được sử dụng lao động dưới 15 tuổi hoặc dưới độ tuổi tối thiểu theo luật quốc gia hoặc địa phương, bất kỳ độ tuổi nào cao hơn, ngoại trừ được quy định trong 7.2.2
- 7.2.2. Ở các quốc gia mà luật pháp cho phép sử dụng lao động từ 13 đến 15 tuổi để làm các công việc nhẹ, việc sử dụng lao động không được cản trở việc đi học cũng như không có hại cho sức khỏe hoặc sự phát triển của họ. Đáng chú ý, trẻ em thuộc đối tượng của luật giáo dục bắt buộc thì chỉ được làm việc ngoài giờ học trong thời gian làm việc ban ngày bình thường.

FSC CORE LABOUR REQUIREMENTS/ NHỮNG YÊU CẦU CHÍNH VỀ LUẬT LAO ĐỘNG KHI ÁP DỤNG TIÊU CHUẨN FSC

- 7.3 Tổ chức phải loại bỏ tất cả các hình thức lao động cưỡng bức và bắt buộc
 - Các mối quan hệ việc làm là tự nguyện và dựa trên sự đồng thuận của hai bên
 - Nếu không có bằng chứng cho thấy sự cưỡng bức hoặc bắt buộc lao động nhưng tổ chức bị phát hiện những điều sau:
 - Bạo lực thể chất và tình dục
 - Lao động có thể chấp
 - Lưu tiền lương hoặc người lao động phải thanh toán phí tuyển dụng hoặc tiền cọc để bắt đầu làm việc
 - Hạn chế phạm vi đi lại
 - Lưu giữ hộ chiếu và giấy tờ tùy thân
 - Đe dọa tố cáo
- 7.4 Tổ chức phải đảm bảo rằng không có sự phân biệt đối xử trong công việc

Các yêu cầu lao động cốt lõi FSC

LAO ĐỘNG CƯỜNG BỨC VÀ LAO ĐỘNG BẮT BUỘC

- Các chủ đề về Luật lao động có thể liên quan:
 - Giờ làm việc & tăng ca
 - Tiền lương
 - Các hình thức lao động (Toàn thời gian, bán thời gian, thời vụ, học việc)
 - Hợp đồng lao động



FSC CORE LABOUR REQUIREMENTS/ NHỮNG YÊU CẦU CHÍNH VỀ LUẬT LAO ĐỘNG KHI ÁP DỤNG TIÊU CHUẨN FSC

- 7.5 Tổ chức phải tôn trọng quyền tự do dân chủ và của công đoàn
 - Người lao động có thể thành lập hoặc tham gia các tổ chức công đoàn của riêng họ
 - Tổ chức tôn trọng sự tự do của các tổ chức công đoàn
 - Tổ chức tôn trọng quyền của người lao động khi họ tham gia vào các tổ chức hợp pháp
 - Tổ chức kết hợp với người lao động thành lập ra tổ chức công đoàn
 - Những quy định của công đoàn phải được thực hiện



Các yêu cầu lao động cốt lõi FSC

PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ TRONG VIỆC LÀM VÀ NGHỀ NGHIỆP

"**Phân biệt đối xử trong việc làm và nghề nghiệp**" đề cập đến các hành vi có tác động đặt một số cá nhân vào vị trí bị phụ thuộc hoặc bất lợi trong thị trường lao động hoặc nơi làm việc vì **chủng tộc, màu da, tôn giáo, giới tính, quan điểm chính trị, nguồn gốc quốc gia, nguồn gốc xã hội** hoặc bất kỳ thuộc tính nào khác không liên quan đến công việc sẽ được thực hiện.

Các yêu cầu lao động cốt lõi FSC

TỰ DO HIỆP HỘI VÀ ĐẢM BẢO QUYỀN THƯƠNG LƯỢNG TẬP THỂ:

- 7.5.1. Người lao động có thể thành lập hoặc tham gia các tổ chức của người lao động do họ lựa chọn.
- 7.5.2. Tổ chức phải tôn trọng sự tự do đầy đủ của các tổ chức của người lao động trong việc xây dựng các hiến pháp và quy tắc của họ.
- 7.5.3. Tổ chức phải tôn trọng quyền của người lao động trong việc tham gia vào các hoạt động hợp pháp liên quan đến việc thành lập, gia nhập hoặc hỗ trợ tổ chức của người lao động hoặc từ chối làm điều tương tự và sẽ không phân biệt đối xử hoặc trừng phạt người lao động khi họ thực hiện các quyền này.
- 7.5.4. Tổ chức phải thương lượng với các tổ chức của người lao động được thành lập hợp pháp và / hoặc các đại diện được lựa chọn hợp lệ với thiện chí và với nỗ lực cao nhất để đạt được thỏa ước lao động tập thể.





Các yêu cầu lao động cốt lõi FSC

Bao gồm 3 yếu tố



TRANSFER SYSTEM/ HỆ THỐNG CHUYỂN ĐỔI

In-Process-Out



Inputs	FSC 100%	FSC Mix Credit	FSC Mix x%	FSC Recycled Credit	FSC Recycled x%	Pre-cons. reclaimed paper	Post-cons. reclaimed wood and paper	FSC Controlled Wood
FSC 100%	FSC 100%	FSC Mix Credit	FSC Mix x%	FSC Mix Credit		FSC Mix 100%		FSC Controlled Wood
FSC Mix Credit	FSC Mix Credit							
FSC Mix x%								
FSC Recycled Credit	FSC Mix Credit			FSC Recycled Credit		FSC Recycled Credit		No FSC claims allowed
FSC Recycled x%			FSC Recycled x%					
Pre-cons. reclaimed paper	FSC Mix 100%	FSC Mix Credit		FSC Recycled Credit		FSC Recycled 100%		
Post-cons. reclaimed wood and paper								
FSC Controlled Wood	FSC Controlled Wood			No FSC claims allowed				FSC Controlled Wood

PERCENTAGE SYSTEM HỆ THỐNG TỈ LỆ PHẦN TRĂM

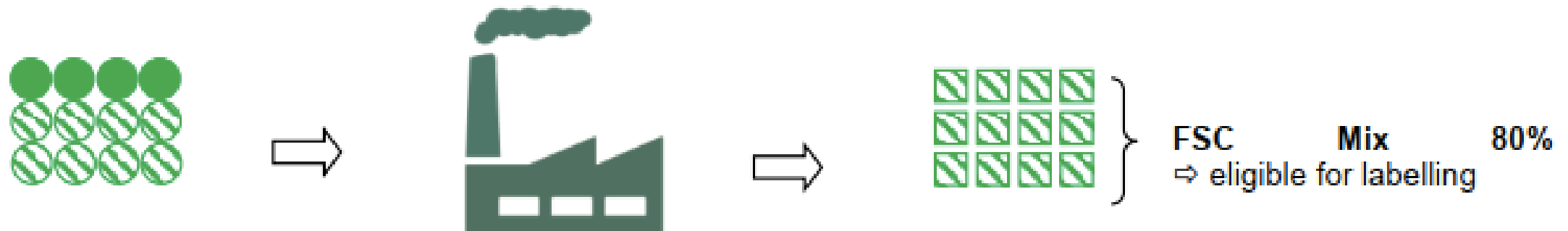
- Ví dụ : Thành phẩm có sự kết hợp của hai hoặc nhiều nguyên liệu đầu vào thuộc các loại nguyên liệu khác nhau

Inputs

- = pre-consumer reclaimed paper
- ◌ = FSC Mix 70%

Outputs

- ◌ = FSC Mix x%



The FSC claim for the output is calculated as follows:

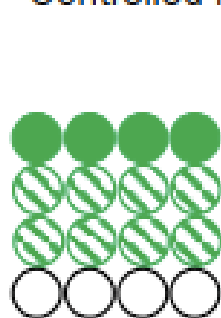
$$\left. \begin{array}{l} 4 \text{ units of pre-consumer reclaimed paper} \\ 8 \text{ units of FSC Mix 70\% input} \end{array} \right\} \frac{(4 \times 1) + (8 \times 0.7)}{4 + 8} \times 100\% = \frac{4 + 5.6}{12} \times 100\% = 80\%$$

CREDIT SYSTEM HỆ THỐNG TỈ LỆ TÍN DỤNG

- Ví dụ E: Nhóm sản phẩm có sự kết hợp của hai hay nhiều nguyên liệu đầu ở những dạng khác nhau

Inputs

- = pre-consumer reclaimed paper
- ◐ = FSC Mix 70%
- = Controlled material



Outputs

- ◑ = FSC Mix Credit
- = FSC Controlled Wood



FSC Mix Credit
⇒ eligible for labelling



FSC Controlled Wood
⇒ not eligible for labelling

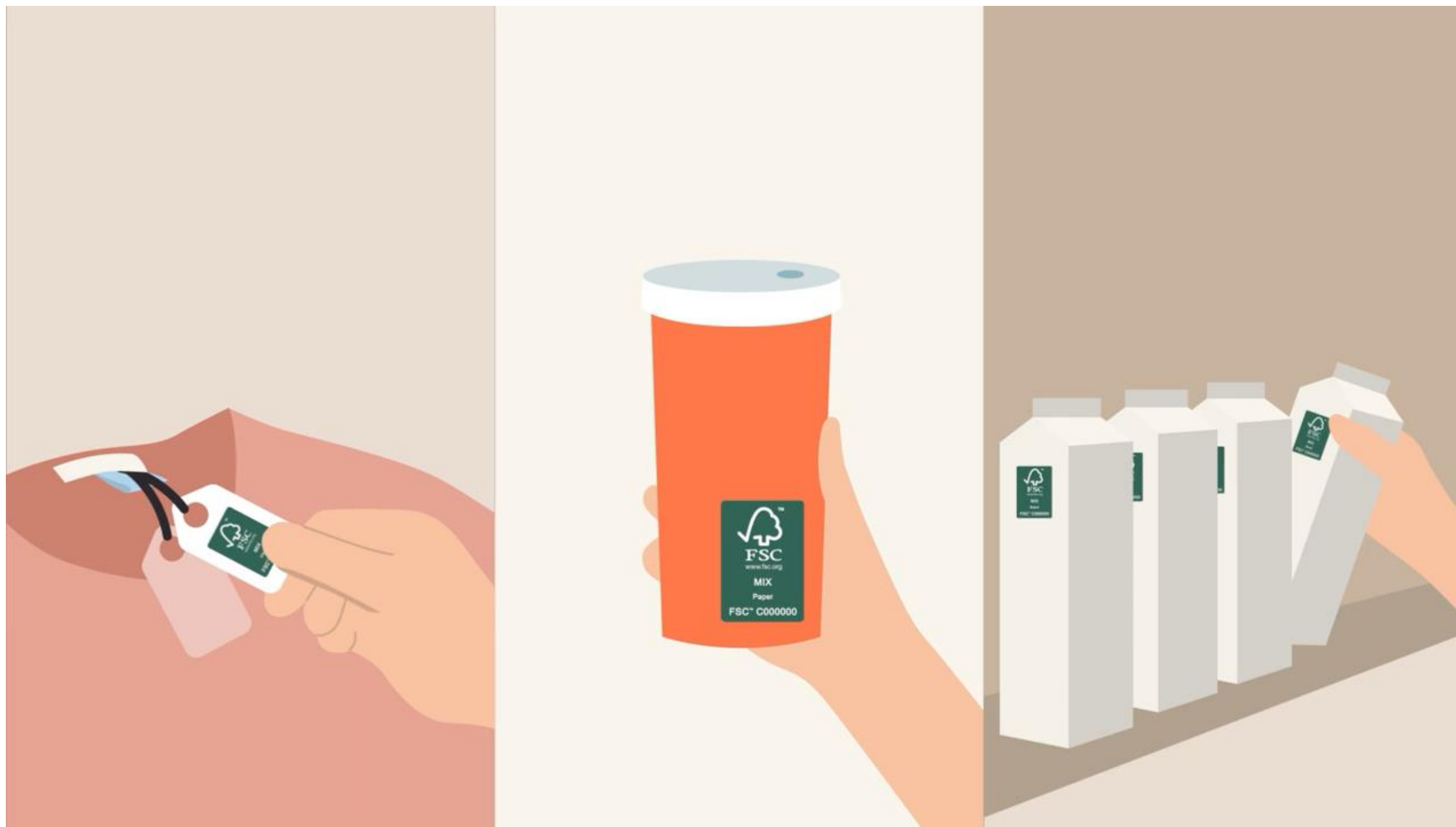
The number of output units which can be sold with an 'FSC Mix Credit' claim is calculated as follows:

4 units of pre-consumer reclaimed paper input
8 units of FSC Mix 70% input
4 units of controlled material

$$(4 \times 1) + (8 \times 0.7) + (4 \times 0) = 4 + 5.6 = 9.6 \text{ units of FSC Mix Credit}$$

The remainder of **6.4 units** can be sold as 'FSC Controlled Wood'.

NHÃN FSC



HÀNH TRÌNH SẢN PHẨM

TIÊU CHUẨN FSC



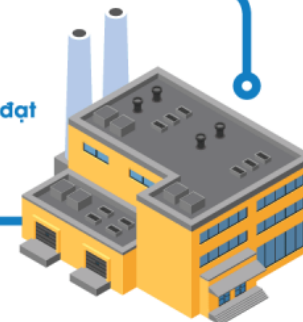
The mark of
responsible forestry
FSC® C137179

NGUỒN RỪNG

Gỗ lấy từ nguồn rừng đạt chuẩn FSC - Do Hội đồng Quản lý rừng ban hành và kiểm soát.

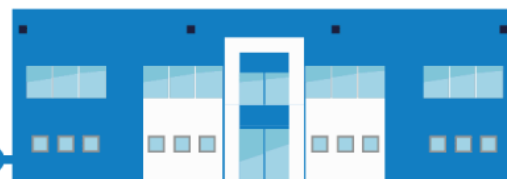
QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT GIẤY

Gỗ được xử lý và giấy được sản xuất cần đạt chuẩn FSC.



NHÀ MÁY SẢN XUẤT

Tại nhà máy, giấy sử dụng sản xuất bao bì đạt chuẩn FSC, theo yêu cầu khách hàng.



KHÁCH HÀNG

Sau đó, khách hàng sử dụng bao bì giấy đạt chuẩn FSC để đóng gói, vận chuyển và bảo quản sản phẩm.



Paper box



Paper bag



Book - notebook



PSDM



Party Items



Hangtag - Hanger

Chứng nhận từ bên thứ ba

Bên thứ 3 đảm bảo chuỗi cung ứng từ nguyên vật liệu cho đến khi thành phẩm được xử lý, sản xuất đạt tiêu chuẩn FSC, với các tài liệu tin cậy và chính xác.



FSC TRADEMARK

FSC 100%



FSC Mix



FSC Recycled



Moebius loop

Product type(*)



FSC logo*

FSC website address

Label title*

Label text

FSC trademark licence code*

NHÃN FSC – NHỮNG YÊU CẦU

■ 12.1 Nhãn FSC được công bố (tham khảo FSC-STD-50-001)



FSC CLAIMS FOR THE OUTPUTS	FSC LABEL
FSC 100%	FSC 100%
FSC Mix percentage of at least 70%- FSC Mix X% (X =70%)	FSC Mix
FSC Mix Credit	FSC Mix
FSC Recycled Wood – percentage of at least 70% post-consumer reclaimed (Phế liệu)	FSC Recycled
FSC Recycled paper – no threshold applies (giấy tái chế không áp dụng %)	FSC Recycled
FSC Recycled Credit – FSC tái chế tín dụng	FSC Recycled

■ 12.2 Chỉ các sản phẩm FSC đủ điều kiện dán nhãn FSC mới có thể được quảng cáo với các nhãn hiệu FSC

NHÃN FSC – NHỮNG YÊU CẦU

Trên sản phẩm: on-product

TÊN CÔNG TY



NHÃN FSC – NHỮNG YÊU CẦU

Ngoài sản phẩm: off-product

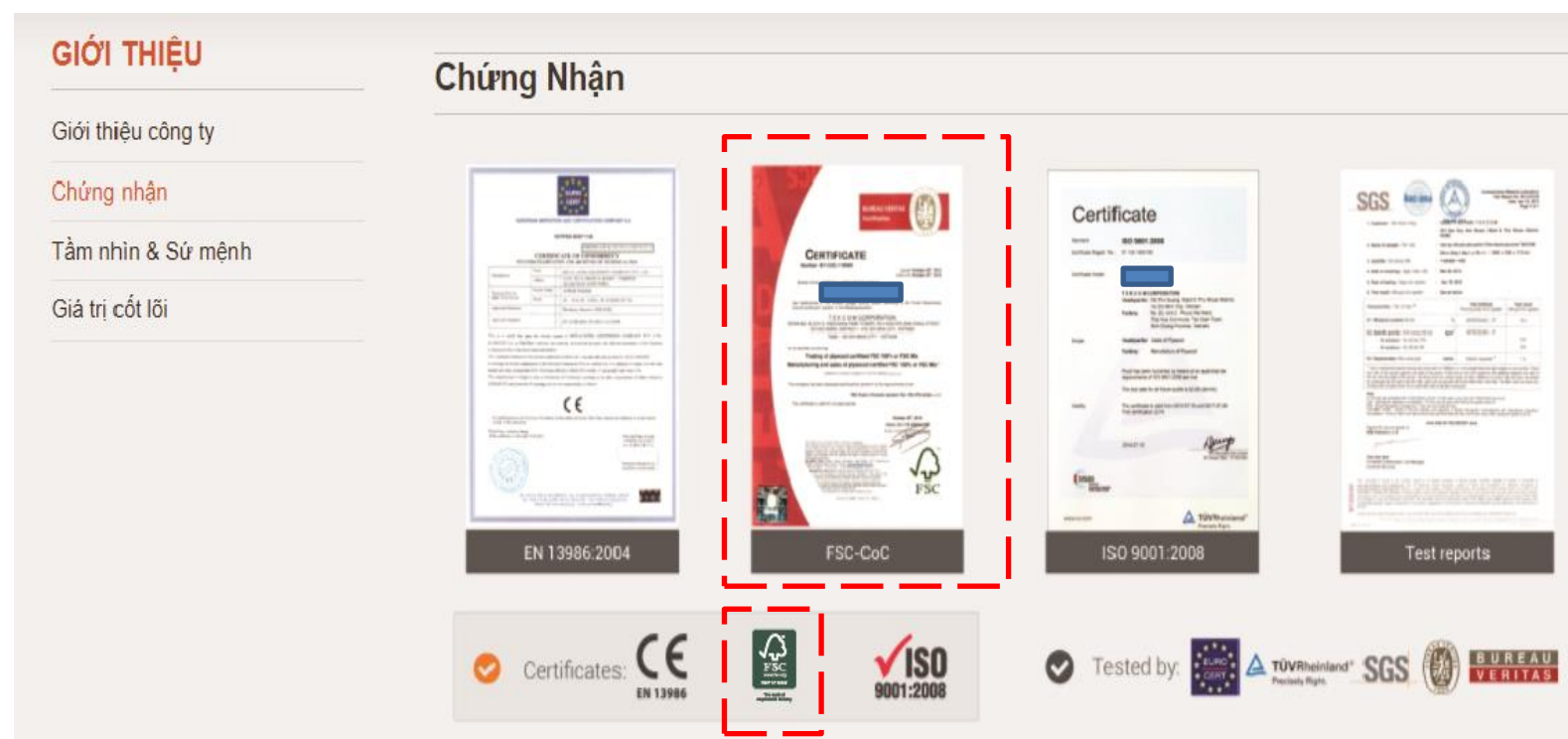
Hồ sơ công ty

Website

COMPANY PROFILE

CONTENT

1. ABOUT US
2. KEY TO QUALITY PRODUCTS
3. CERTIFICATES



HIỆU QUẢ PHÁT TRIỂN RỪNG FSC



CÁC NGUYÊN NHÂN DẪN ĐẾN CHƯA THÀNH CÔNG KHI TRIỂN KHAI FSC CoC?

- Thiếu sự **cam kết & định hướng** của lãnh đạo
- **Không có sự tham gia đầy đủ** của mọi người
- Thiếu sự **hợp tác giữa các bộ phận** liên quan
- Quy trình áp dụng **không phù hợp**
- **Không duy trì** các yêu cầu của các Hệ thống quản lý
- **Không thay đổi** và cải tiến liên tục
- **Không đánh giá** hiệu quả hoạt động



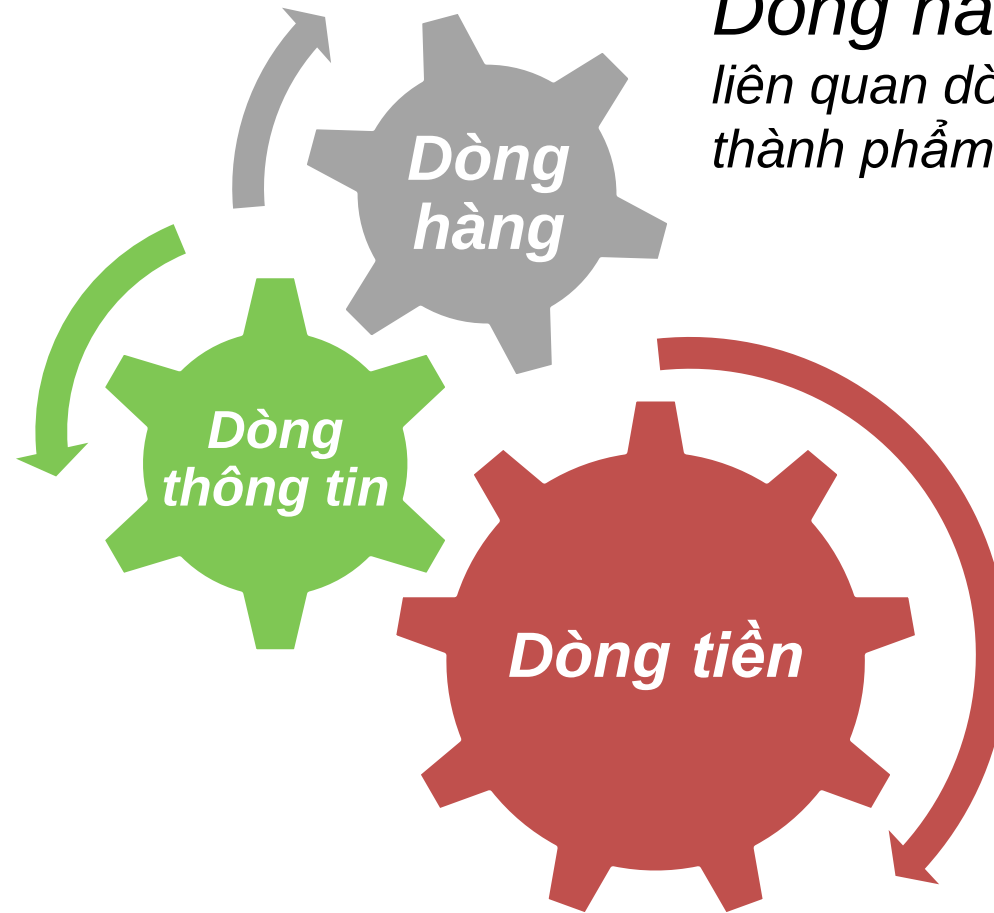
■ Phần 3: Những yêu cầu của Chuỗi cung ứng



Supply Chain Streams/ Các dòng chảy trong Chuỗi cung ứng

Dòng thông tin:

liên quan đến thông tin truy xuất nguồn gốc dòng hàng; chứng nhận về chất lượng, trách nhiệm xã hội... theo hệ thống tiêu chuẩn quốc tế; thông tin về lộ trình giao hàng...



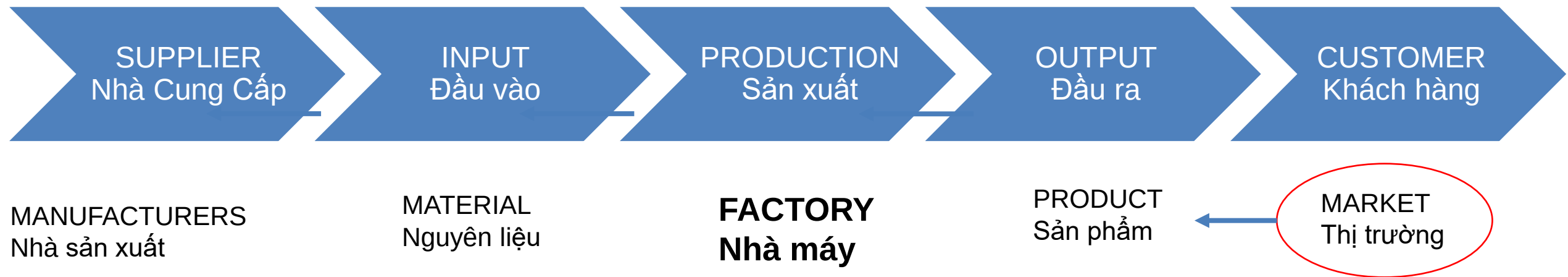
Dòng hàng:

liên quan dòng chảy từ nguyên liệu đầu vào đến thành phẩm, các hoạt động logistics,...

Dòng tiền (hoặc chuỗi giá trị):

kết hợp giữa 2 yếu tố dòng hàng và dòng thông tin để qui đổi thành giá trị hàng hoá cho từng sản phẩm và thị trường tương ứng; phương thức thanh khoản...

SIPOC MODEL

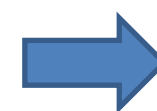


Các tiêu chuẩn nào được áp dụng và tuân thủ?



Mô hình

**NHÀ MÁY
HỢP CHUẨN**

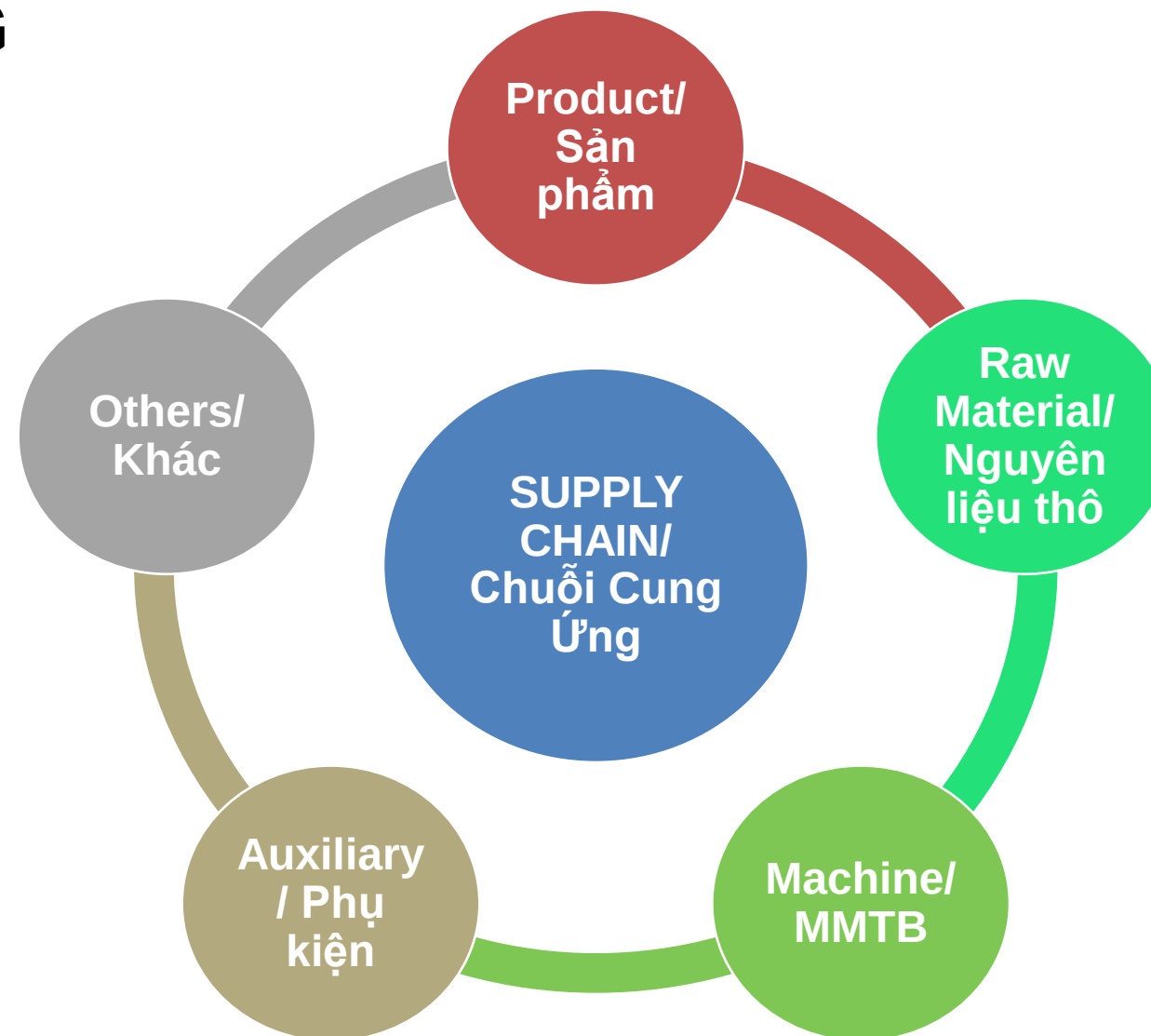


**ĐÁNH GIÁ NHÀ MÁY
ĐẠT**

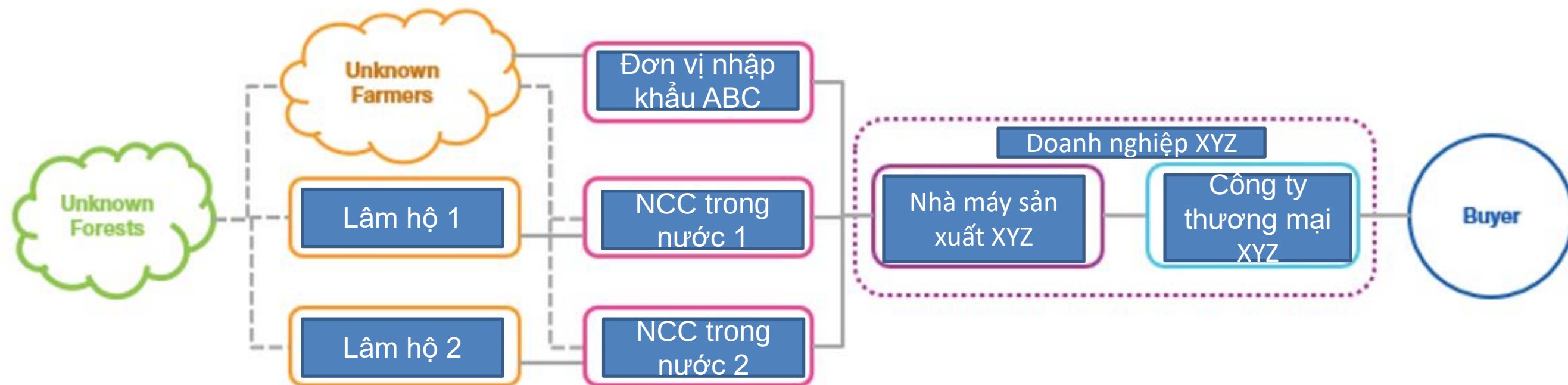


CÁC HOẠT ĐỘNG CHUỖI CUNG ỨNG

1. ISO, Hợp chuẩn, Kiểm hàng
2. Thiết lập hệ thống kiểm soát nhà cung cấp
3. Đánh giá nhà máy cho Bên mua, Bên thứ 3
4. Tìm kiếm và kiểm chứng sản phẩm cho Bên mua
5. Cải thiện chuỗi cung ứng của ngành
6. Thương mại, tổng đại lý hoặc nhà phân phối
7. Kho bãi, logistics
8. Hiệu chuẩn thiết bị đo lường



VÍ DỤ: ĐÁNH GIÁ CHUỖI CUNG ỨNG NHÀ MÁY SẢN XUẤT SẢN PHẨM TỪ GỖ



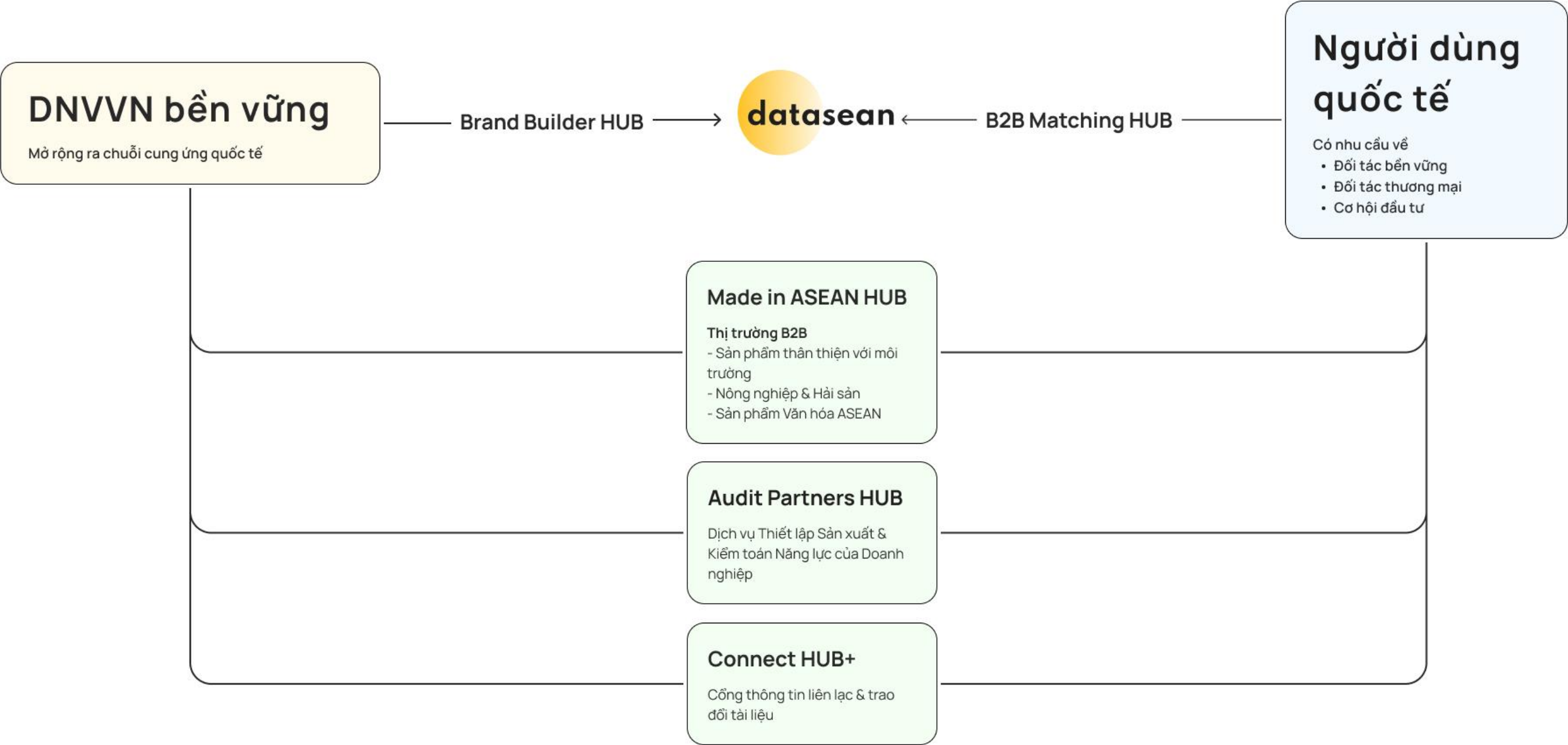
Forest source: Various locations	Farmers: Various locations	Trader / Cooperative: Various locations	Manufacturer: Nam Định Province,	Exporter: Hanoi	Buyer
-------------------------------------	-------------------------------	--	-------------------------------------	--------------------	-------

DANH MỤC CHỨNG NHẬN CHO NHÀ MÁY VÀ SẢN PHẨM

	ĐÁNH GIÁ HỆ THỐNG		KIỂM NGHIỆM SẢN PHẨM			KIỂM SOÁT NHÀ MÁY			
	Đánh giá hàng năm	Dữ liệu theo từng lô hàng	Kiểm nghiệm hàng năm	Kiểm nghiệm hàng quý	Kiểm nghiệm từng lô	Nguyên liệu đầu vào	Kiểm soát quá trình sản xuất	Kiểm soát thành phẩm	Kiểm soát nhãn mác
A. CHẤT LƯỢNG									
A1. ISO 9001:2015	x	x				x	x	x	
A2. CE Marking	x	x	x			x	x	x	x
A3. KS Marking	x	x				x	x	x	x
A4. JAS - Japan	x	x							
A5. Khác	x	x							
B. GỖ HỢP PHÁP									
B1. FSC CoC	x					x	x	x	x
B2. PEFC	x					x	x	x	x
B3. EUTR (DDS)	x	x				x	x	x	x
B4. Khác	x	x				x	x	x	x
C. AN TOÀN SẢN PHẨM									
C1. CARB P2 & EPA	x	x	x	x	x			x	x
C2. JAS	x	x	x	x	x	x	x	x	x
C3. Others (PCP, REACH, RoSH...)	x								
D. TIÊU CHUẨN KHÁC									
D1. Đánh giá bởi khách hàng	x					x			
D2. Môi trường, an toàn ISO 14001, ISO 45001	x								
D3. Trách nhiệm xã hội CSR (BSCI, SMETA,...)	x								
D4. Khác (WRAP, C-TPAT...)	x								



Bản đồ Hệ sinh thái (2022 - 2023)



■ Phần 4: Chia sẻ về Dự án xây dựng Thương hiệu tập thể BIFA



NHÀ MÁY HỢP CHUẨN



ĐÁNH GIÁ NHÀ MÁY
ĐẠT



3 CẤP ĐỘ VỀ ÁP DỤNG TIÊU CHUẨN NGÀNH GỖ

Tuân thủ

CẤP ĐỘ 1:

Hiệp định VPA-FLEGT
2017

Nghị Định 102

BSCI – Trách nhiệm xã hội

Chất lượng

CẤP ĐỘ 2:

ISO 9001:2015

CE MARKING (E0, E1...)

CARB P2 (EPA)

Phát triển bền vững

CẤP ĐỘ 3:

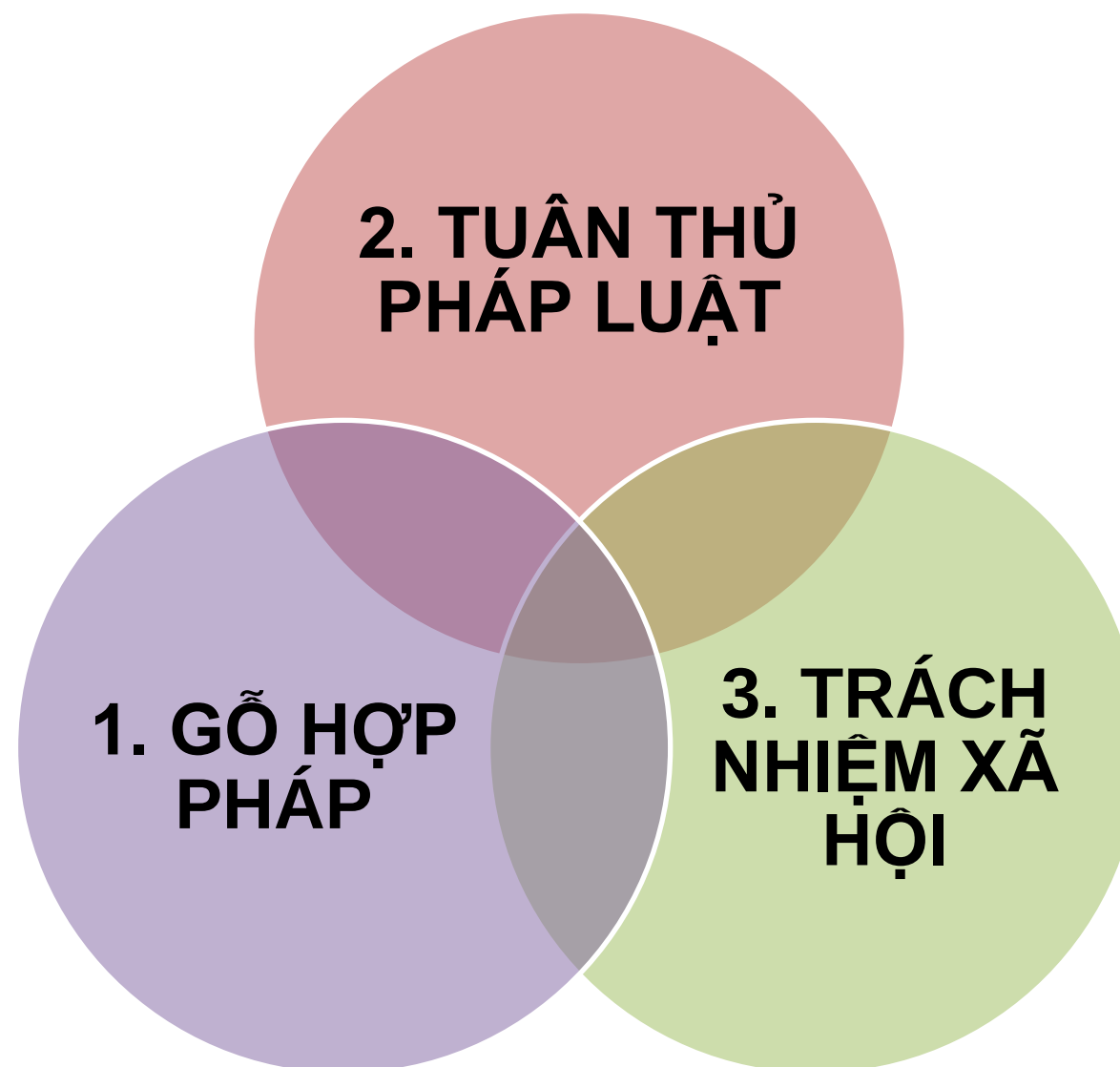
FSC/ PEFC

Global Recycled Systems

Greenhouse Gas



CẤP ĐỘ 1 – TUÂN THỦ



1. GỖ HỢP PHÁP



Giấy phép FLEGT sẽ được cấp cho từng **lô hàng gỗ và sản phẩm gỗ**:

- + Thuộc danh mục trong phụ lục 1 của VPA (phạm vi sản phẩm thuộc mã HS 44 và mã HS 94)
- + Đáp ứng toàn bộ yêu cầu của LD (gỗ hợp pháp) và VNTLAS (kiểm soát chuỗi cung và xác minh theo hệ thống)



LD được chia thành 7 nguyên tắc

Nguyên tắc I: Khai thác gỗ trong nước tuân thủ các quy định về quyền sử dụng đất, sử dụng rừng, quản lý, môi trường và xã hội

Nguyên tắc II: Tuân thủ các quy định về xử lý gỗ tịch thu

Nguyên tắc III: Tuân thủ các quy định về nhập khẩu gỗ

Nguyên tắc IV: Tuân thủ các quy định về vận chuyển, mua bán gỗ

Nguyên tắc V: Tuân thủ các quy định về chế biến gỗ

Nguyên tắc VI: Tuân thủ các quy định về thủ tục hải quan cho xuất khẩu

Nguyên tắc VII: (Tổ chức): Tuân thủ các quy định về thuế và lao động.

Nguyên tắc VII: (Hộ gia đình): Tuân thủ các quy định về thuế

**** Tham khảo toàn bộ Nguyên tắc/tiêu chí/chỉ số/bảng chứng và Văn bản quy phạm pháp luật tham chiếu của LD từ trang 27-70*

Hệ thống VNTLAS có 7 yếu tố

1. Định nghĩa gỗ hợp pháp
2. Các bằng chứng xác minh việc tuân thủ pháp luật
3. Kiểm soát chuỗi cung
4. Xác minh sự tuân thủ
5. Cấp phép FLEGT
6. Thanh tra nội bộ và cơ chế phản hồi
7. Đánh giá độc lập

**** Tham khảo toàn bộ cách tạo lập, xác minh và phê duyệt bằng chứng hợp pháp đối với tổ chức và hộ gia đình của VNTLAS từ trang 136-217*

Tiêu chí tối thiểu và các nhóm rủi ro trong OCS

Tiêu chí	Nhóm 1	Nhóm 2
1. Tuân thủ các bằng chứng động/bằng chứng về kiểm soát chuỗi cung ứng nhằm đảm bảo rằng chỉ có gỗ hợp pháp vào chuỗi cung ứng	Tuân thủ đầy đủ	Không tuân thủ
2. Đáp ứng các yêu cầu về kê khai và báo cáo kiểm soát chuỗi cung ứng	Tuân thủ đầy đủ	Không kê khai và nộp báo cáo theo quy định của pháp luật
3. Tuân thủ các bằng chứng tĩnh	Tuân thủ đầy đủ	Không tuân thủ
4. Tình trạng vi phạm và chế tài xử lý	Không có dữ liệu về vi phạm và xử phạt	Có dữ liệu về vi phạm và xử phạt
5. Các tiêu chí khác		Các Tổ chức mới thành lập

2. TUÂN THỦ PHÁP LUẬT

Phân loại DN theo NĐ 102

- a) Thành lập ít nhất 1 năm;
- b) Tuân thủ quy định pháp luật về bảo đảm giao hợp pháp
- c) Tuân thủ chế độ báo cáo theo quy định tại khoản 4 Điều 27 Nghị định này và lưu giữ hồ sơ gốc theo quy định của pháp luật;
- d) Không vi phạm pháp luật đến mức phải xử lý theo quy định tại khoản 4 Điều 13 Nghị định này;

Trường hợp chuyển loại doanh nghiệp: Doanh nghiệp Nhóm I hoặc người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp Nhóm I bị xử lý hình sự theo quy định tại Điều 232 Bộ luật Hình sự mà chưa được xóa án tích hoặc có quyết định xử phạt vi phạm hành chính của cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 13 Nghị định số 102/2020/NĐ-CP chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính (theo Thông tư 21/2021/TT-BNNPTNT)

- đ) Các tiêu chí tại điểm a và điểm b khoản này được quy định chi tiết tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

3. BSCI – TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI



Bộ Quy Tắc Ứng Xử của amfori BSCI

- + Quyền tự do lập hiệp hội và quyền đàm phán tập thể
- + Trả công công bằng
- + Bảo vệ đặc biệt đối với lao động trẻ tuổi
- + Không sử dụng lao động lệ thuộc
- + Hành vi kinh doanh có đạo đức
- + Không phân biệt đối xử
- + **Giờ công làm việc xứng đáng**
- + Không sử dụng lao động trẻ em
- + Không cung cấp việc làm tạm thời
- + Bảo vệ môi trường

■ Phần 5: Hỏi & Đáp – Q&A



Chân thành cảm ơn!